TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 551/2019/HNGĐ-ST Ngày: 06-5-2019 V/v tranh chấp ly hôn giữa chị C và anh T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Lý
Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1630/2018/HNST ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX- HN ngày 22 tháng 03 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST- HN ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị C, sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú : Thôn 10, xóm Núi Hải Quật, xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ tạm trú: Số 59 đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

2.Bị đơn: Anh T, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú : Khu phố Lương Trung, Xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; Địa chỉ tạm trú : Số 59 đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2018; bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn Chị C trình bày: Chị và anh T tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lương Sơn, huyện

Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận ngày 14/01/2005 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2005, quyển số 04. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài không chăm lo cho gia đình, vợ con nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Q, sinh ngày 07/5/2008. Chị C yêu cầu nuôi dưỡng trẻ Q đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C tự khai không có.

-Tòa án đã tiến hành xác minh; tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị C có đơn xin vắng mặt tuy nhiên chị vẫn bảo lưu ý kiến của chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Q, sinh ngày 07/5/2008. Chị C yêu cầu nuôi dưỡng trẻ Q đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C tự khai không có.

Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C ly hôn với anh T

Về con chung: Có 01 con chung tên Q, sinh ngày 07/5/2008, chị C trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C tự khai không có nên không xem xét.

Chị C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị C khởi kiện bị đơn anh T đang cư ngụ tại địa chỉ số 59 đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 16/4/2019, chị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc đột xuất. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2005, quyển số 04 do Uỷ ban nhân dân xã Lương sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp cho chị C và anh T ngày 14 tháng 01 năm 2005 thì hôn nhân của chị C và anh T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2019, chị C yêu cầu ly hôn với anh T vì chị cho rằng anh T ham chơi cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài không chăm lo cho gia đình, vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, do đó chị C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nơi chị C và anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn thì: "Chị C và anh T có đời sống hôn nhân khép kín, không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn" .

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 21/3/2019 của Tòa án quận Gò Vấp và Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nơi chị C và anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn thì được biết: "Bà C và ông T

đang thuê nhà tại số 59 đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai vợ chồng ông T và bà C hay cãi nhau chủ yếu là do vấn đề về tiền bạc. Theo bà C thì mâu thuẫn gia đình từ năm 2014 cho đến nay. Ông T thường xuyên vắng nhà không rõ lý do. ”

Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Chị C và anh T chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, hay cờ bạc dẫn đến nợ nần không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được là do anh T là người có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh T cũng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh T không có T chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị C và anh T không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn …nếu có căn cứ về việc vợ chồng có vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng …mục đích hôn nhân không đạt được…” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

Xét yêu cầu của chị C về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Q, sinh ngày 07/5/2008 và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 21/3/2019 của Tòa án quận Gò Vấp và Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nơi chị C và anh T chung sống thì được biết: “… Hiện chị C đang một mình nuôi dưỡng trẻ Q, sinh năm 2008 rất tốt, ăn học đàng hoàng.”

Mặt khác tại bản tự khai ngày 08/01/2019 của cháu Q thì cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ ruột là chị C.

Căn cứ quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 62/2019/QĐ-CCTLCC ngày 25/01/2019, chị C cung cấp cho Tòa án xác nhận lương và hợp đồng lao động chị đang làm công nhân tại Công ty CP xây dựng Đông Yên, với mức lương là 10 triệu một tháng chứng tỏ chị C có việc làm và thu nhập để nuôi dưỡng cháu Q.

Chị C hiện có chỗ ở hợp pháp bằng việc xác nhận hợp đồng thuê nhà dài hạn số nhà 59 đường L, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh với tiền thuê 2 triệu đồng/tháng.

Trong khi đó anh T dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để lấy lời khai về việc anh có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung hay không do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích như trên và căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao chị C nuôi dưỡng cháu Q, sinh ngày 07/5/2008 là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 04/01/2019 chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi trẻ Q do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 04/01/2019 chị C tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không đến Tòa án để Tòa án lấy lời khai của anh T về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân do đó sau này nếu anh T có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh T sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị C tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2018/0001598 ngày 06/12/2018. Do đó chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị C và anh T .

(Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2005, quyển số 04 do Uỷ ban nhân dân xã Lương sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14 tháng 01 năm 2005 cho chị C và anh T hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung tên Q, sinh ngày 07/5/2008. Chị C nuôi dưỡng trẻ Q đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của anh T.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C tự khai không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị C phải chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2018/0001598 ngày 06/12/2018. Do đó chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân xã Lương sơn, huyện Bắc Ninh, tỉnh Bình thuận;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã đóng dấu và ký tên